

Description	Distress Elite Ultra Heavyweight Hoodie	Collection	
Type	Pullover Hoodies	Story	
Size Scale	2XS-3XL	Category	Tops
Agent		License	
Factory	Un-Available Ltd	Design No.	
Designer	Kirstyn Gray	Label	
Colour	Black, Silver Marl	Composition	



SPECIFICATION

POM	POINTS TO MEASURE	2XS	XS	S	M	L	XL	2XL	3XL	Tol+	Tol-
A	Chest Measurement @ armhole ngang ngực tại nách	58	60.5	63	65.5	68	70.5	73	75.5	1.5	1.5
B	Hem at top of rib band - (FLAT) ngang lai tại cạnh trên của rib - đo êm	45	47.5	50	52.5	55	57.5	60	62.5	1.5	1.5
C	Bottom of rib band relaxed - (FLAT) ngang lai tại cạnh dưới của rib - đo êm	38	40.5	43	45.5	48	50.5	53	55.5	2	2
D	Full length/frm CB to bottom of Rib dài giữa thân sau gồm rib	55	56	57	58	59	60	61	62	0	0
F	Sleeve length from HSP including cuff dài tay từ đỉnh vai - gồm rib	80	81	82	83	84	85	86	87	0	0
G	Raglan - (FLAT) raglan đo êm	36	37	38	39	40	41	42	43	0	0
H	Bicep 4 cm down from under armseam - (FLAT) bắp tay dưới nách 4cm - đo êm	23.8	24.4	25	25.6	26.2	26.8	27.4	28	1.25	1.25
I	Sleeve opening - (FLAT) của tay đo êm	9	9.5	10	10.5	11	11.5	12	12.5	0	0
J	Sleeve rib opening w/ cuff relaxed - (FLAT) rộng cửa tay gồm rib đo êm	7	7.5	8	8.5	9	9.5	10	10.5	0.5	0.5
K	Hem Rib Height to bản lai áo	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	0.25	0.25
L	Sleeve Cuff Rib Height to bản lai tay	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	0.5	0.5
M	FT neck drop from HPS hạ cổ trước từ đỉnh vai	7.5	7.75	8	8.25	8.5	8.75	9	9.25	0.5	0.5
N	BK neck drop from HPS hạ cổ sau từ đỉnh vai	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	0.5	0.5
O	HPS to HPS - w/o Trim rộng cổ	17	18	19	20	21	22	23	24		
P	Neckline Rib Height	3	3	3	3	3	3	3	3		
S	Raglan apart at neck phần raglan tại cổ	21	22.5	24	25.5	27	28.5	30	31.5		
T	Hood Length along back seam dài nón dọc đường may sau	52.5	52.5	52.5	52.5	52.5	52.5	52.5	52.5	.5	.5
V	Hood Opening @ CF miệng nón tại giữa trước	39	39	39	39	39	39	39	39	.5	.5
W	Side Seam Length dài sườn	23	24	25	26	27	28	29	30	.5	.5
U	HOOD CENTER PANEL WIDTH to bản sóng nón	10	10	10	10	10	10	10	10	.5	.5



DEFINITION

Fabric

Colourway	Code	Description	Colour	QTY	Source
Black	1-0118A02	Ultra Heavyweight Mill Name: Un-Available 490gsm 66% COTTON 34% POLYESTER Main Item			Factory
Black	1-1701B65- S0162 (RIB)	RIB 1X1_100% COTTON_SOLID_260GSM Mill Name: Un-Available 100% COTTON Cuffs & Hem			Factory
Black	1-0601A03- S0162 (MAIN)	SINGLE JERSEY_100% COTTON_SOLID_230GSM Mill Name: Un-Available 230GSM 100% COTTON Cotton Jersey - To be sourced. Please send fabric hanger options Placement: Pocket & Hood Liner			Factory

Trim

Colourway	Code	Description	Colour	QTY	Source
All	L0001	Brand Label - 40W x 32.5H (Folded) 1% Better Everyday Designed In Australia High Density Woven Label			JOINTAK
All	L0002	Printed Care Label - Jersey & Fleece Styles Polyester/Satin			JOINTAK
All	L0005	PO/SKU Label Poly/Satin			JOINTAK
All	P0001	Jersey & Fleece - Garment Polybag - 42.5cm x 32cm - AS5810 - Bone Seal Compostable resin Thickness: 70micron			Wuhan Huali Biomaterial Co., Ltd
All	SR0001	260mm White Recycled String & White Recycled Clasp (Jersey/Fleece)			JOINTAK
All	NT0001	1CM Loop Herringbone Tape - 1CM to RHS Main Label @ Neckline DTM Label Colour Cotton Herringbone Tape 100%			Factory
All	SGNGL-058	Large swing tag - format for sticker information			JOINTAK

IMAGES





ORIGINAL SAMPLE TO BASE BLOCK FROM



cấu trúc túi đúng như hình

pocket reference